

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

(Đã chỉnh sửa theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua
ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ này 1/7/2015)

Đà Nẵng, tháng 4 năm 2020

MỤC LỤC

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY	5
NHỮNG CƠ SỞ PHÁP LÝ	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Định nghĩa	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG CÔNG TY.....	8
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông công ty.....	8
Điều 6. Cổ phiếu.....	10
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 9. Thu hồi cổ phần	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 11. Quyền của cổ đông	11
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....	15
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	16
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị	25

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	26
VIII.TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	29
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý	29
Điều 30. Cán bộ quản lý	29
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	29
Điều 32. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	30
Điều 33. Thư ký Công ty	30
IX. BAN KIỂM SOÁT	31
Điều 34. Thành viên Ban kiểm soát	31
Điều 35. Ban kiểm soát	32
Điều 36. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên	33
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	33
Điều 37. Trách nhiệm cần trọng	33
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	33
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	35
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	35
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn.....	35
XIII.PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	35
Điều 42. Phân phối lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh	35
XIV.TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	36
Điều 43. Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 44. Năm tài khóa.....	36
Điều 45. Chế độ kế toán	36
XV.BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨ	
Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	37
Điều 47. Báo cáo thường niên	37
XVI.KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	37
Điều 48. Kiểm toán.....	37
XVII.CON DẤU.....	38
Điều 49. Con dấu	38
XVIII.CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	38
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	38
Điều 51. Gia hạn hoạt động.....	38
Điều 52. Thanh lý	38
XIX.GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
XX.BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	39
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	39

XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	39
Điều 55. Ngày hiệu lực.....	39

PHẦN MỞ ĐẦU
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY
NHỮNG CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2015.
- Căn cứ Quyết định số 102/2003/QĐ-TTg ngày 21/5/2003 của Thủ Tướng Chính phủ về việc thí điểm chuyển Nhà xuất bản Giáo dục sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ – Công ty Con.
- Căn cứ Quyết định số 3691/QĐ-BGD & ĐT-TCCB ngày 28/7/2003 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức lại Nhà xuất bản Giáo dục theo mô hình Công ty Mẹ - Con và Quyết định số 5108/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 24/9/2003 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc thành lập Hội đồng Quản trị Nhà xuất bản Giáo dục nay là Hội đồng thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 61/NQ/ĐHĐCĐ-HTP ngày 27/4/2018 về việc chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Công ty phù hợp pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 19/NQ/ĐHĐCĐ-HTP ngày 26/4/2019 về việc chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Công ty quy định số lượng thành viên HĐQT;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/01/2020 chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Công ty
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2020 về việc chỉnh sửa bổ sung Điều lệ Công ty.

Điều lệ này là của Công ty cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát là cơ sở pháp lý cho Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp hoạt động phù hợp với các quy định khác của pháp luật về Luật Công ty cổ phần, Luật chứng khoán. Điều lệ này cùng với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và những quy định khác của Công ty nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với Luật pháp Việt Nam sẽ là cơ sở tiến hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần.
- b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/ QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh) lần đầu.
- d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

e. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

- Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
- Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
- Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
- Người quản lý doanh nghiệp;
- Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm trên và khoản này;
- Doanh nghiệp trong đó những người, công ty qui định tại các điểm trên và khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
- Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được qui định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số qui định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt mới: CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
- Điện thoại: 0236 3841257

- Fax: 0236 3 841 258
- Website: <http://inhoaphat.vn/>

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Công ty có một người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Công ty có phạm vi hoạt động trên lãnh thổ nước Việt Nam và nước ngoài theo qui định của pháp luật, có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn trên cả nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50 khoản 2 và hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn. Việc chấm dứt hoạt động do chiến lược của Công ty Mẹ và Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với qui định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Công ty cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh, nhằm phục vụ cho các mục tiêu nhiệm vụ của Doanh nghiệp, tạo ra lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, của doanh nghiệp, của người đầu tư và người lao động.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà luật không cấm.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	In ấn Chi tiết: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;	1811 (Chính)
2	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm.	1709
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; Bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất, kinh doanh;	4669
4	Hoạt động xuất bản khác Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác.	5819
5	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

	Chi tiết: Bán buôn sách.	
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;	4933
7	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.	4932
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh.	6810
9	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.	3290

2. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
3. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
4. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
5. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
7. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp
9. Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.
10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
11. Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
12. Quyền khác theo quy định của luật có liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông công ty

Vốn điều lệ của công ty: 18.049.800.000 đồng (Mười tám tỉ bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng)

Trong đó: Vốn bằng tiền là: 18.049.800.000 đồng (Mười tám tỉ bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Vốn bằng tài sản là: 0

Số cổ phần: 1.804.980 cổ phần.

- Loại cổ phần:

+ Cổ phần phổ thông: 1.804.980 cổ phần

+ Cổ phần ưu đãi (nếu có):

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/ cổ phần (Mười nghìn đồng VN trên mỗi cổ phần)

Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 2 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

- Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp.

1. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm các cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo loại cổ phần được qui định tại Điều 11.

2. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các qui định của pháp luật.

3. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo qui định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông qui định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

5. Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông do chính Công ty đã phát hành theo qui định sau:

a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần nhưng không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại.

c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần, loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có đầy đủ chi tiết về nhân thân của người sở hữu, số cổ phần sở hữu, số cổ phần chào bán, phương thức thanh toán, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

6. Công ty chỉ được quyền thanh toán số cổ phần mua lại của cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ khác.

7. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác. Nếu tổng giá trị tài sản

được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

8. Cổ đông công ty và cơ cấu cổ phần: Theo danh sách cổ đông đã niêm yết tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, mã số công ty, địa chỉ trụ sở chính của công ty.
- b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
- c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
- d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức.
- e. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
- f. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty (nếu có)
- g. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

2. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo qui định của Công ty, hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như qui định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in cổ phiếu.

3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
- b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có tổng giá trị trên mười triệu đồng Việt Nam (10.000.000 VNĐ), trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại và sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo qui định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỉ lệ lãi suất vay của Ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị, thời gian chịu lãi suất kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc điều hành;
- d. Ban kiểm soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham gia và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; hoặc bỏ phiếu từ xa;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo qui định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo qui định của pháp luật;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp qui định của Luật Doanh nghiệp;
- i. Các quyền khác theo qui định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo qui định tương ứng tại các Điều 25 Khoản 2 và Điều 34 Khoản 2 của Điều lệ này;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các qui định tại Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác được qui định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các qui chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp
 - Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
 - Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo qui định. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kì;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp qui định hoặc ít hơn một nửa số thành viên qui định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường